



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

jeg

du

han

hun

det
pronomen

vi

I

de

hvad

hvem

hvor

hvorfor

hvordan

hvilken

hvornår

så

hvis

virkelig

men

fordi

ikke

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

dette

det
dette

alle
almen

eller

og

her

der

venstre

højre

nu

eftermiddag

formiddag

nat

morgen

aften

middag

midnat

time

minut

sekund

dag

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

uge

måned

år

i går

i dag

i morgen

mandag

tirsdag

onsdag

torsdag

fredag

lørdag

søndag

kvinde

mand
almen

kærlighed

kæreste
mandlig

kæreste
kvindelig

ven

kys

sex

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

barn

pige

dreng

mor

far

moder

fader

forældre

søn

datter

lillesøster

lillebror

storesøster

storebror

mand
husbond

kone

hver

altid

faktisk

igen

allerede

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

mindre

mest

mere

ingen

meget

ude

inde

fjern

nær

under

over

ved siden af

frem

bagved

alle
personer

sammen

andre

forår

sommer

efterår

vinter

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

januar

februar

marts

april

maj

juni

juli

august

september

oktober

november

december

nord

øst

syd

vest

tit

straks

pludselig

selvom

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

nul

en

to

tre

fire

fem

seks

syv

otte

ni

ti

elleve

tolv

tretten

fjorten

femten

seksten

sytten

atten

nitten

tyve

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

enogtyve

toogtyve

seksogtyve

tredive

enogtredive

treogtredive

syvogtredive

fyrre

enogfyrre

fireogfyrre

otteogfyrre

halvtreds

enoghalvtreds

femoghalvtreds

nioghalvtreds

tres

enogtres

toogtres

seksogtres

halvfjerds

enoghalvfjerds

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

treoghalvfjerds

syvoghalvfjerds

firs

enogfirs

fireogfirs

otteogfirs

halvfems

enoghalvfems

femoghalvfems

nioghalvfems

et hundrede

et hundrede og en

et hundrede og fem

et hundrede og ti

et hundrede og
enoghalvtreds

to hundrede

to hundrede og to

to hundrede og seks

to hundrede og tyve

to hundrede og toogtres

tre hundrede

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

tre hundrede og tre

tre hundrede og syv

tre hundrede og tredive

tre hundrede og
treoghalvfjerds

fire hundrede

fire hundrede og fire

fire hundrede og otte

fire hundrede og fyrre

fire hundrede og fireogfirs

fem hundrede

fem hundrede og fem

fem hundrede og ni

fem hundrede og halvtreds

fem hundrede og
femoghalvfems

seks hundrede

seks hundrede og en

seks hundrede og seks

seks hundrede og seksten

seks hundrede og tres

syv hundrede

syv hundrede og to

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

syv hundrede og syv

syv hundrede og syvogtyve

syv hundrede og halvfjerds

otte hundrede

otte hundrede og tre

otte hundrede og otte

otte hundrede og
otteogtrediv

otte hundrede og firs

ni hundrede

ni hundrede og fire

ni hundrede og ni

ni hundrede og niogfyrre

ni hundrede og halvfems

et tusind

et tusind og en

et tusind og tolv

et tusind to hundrede og
fireogtrediv

to tusind

to tusind og to

to tusind og treogtyve

to tusind tre hundrede og
femogfyrre

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

tre tusind

tre tusind og tre

fire tusind

fire tusind og femogfyrre

fem tusind

fem tusind seks hundrede og
otteoghalvfjerds

seks tusind

syv tusind

syv tusind otte hundrede og
halvfems

otte tusind

otte tusind ni hundrede og
en

ni tusind

ni tusind og halvfems

ti tusind

ti tusind og en

tyve tusind og tyve

tredive tusind tre hundrede

fireogfyrre tusind

et hundrede tusind

fem hundrede tusind

en million

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

seks millioner

ti millioner

halvfjerds millioner

hundrede millioner

otte hundrede millioner

en milliard

ni milliarder

ti milliarder

tyve milliarder

hundrede milliarder

tre hundrede milliarder

en billion

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

at vide

at tænke

at komme

at sætte

at tage

at finde

at lytte

at arbejde

at tale

at give
almen

at kunne lide

at hjælpe

at elske

at ringe

at vente

at stå

at sidde

at lukke

at åbne
dør

at tabe

at vinde

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

at dø

at leve

at tænde

at slukke

at dræbe

at skade

at røre

at se

at drikke

at spise

at gå

at møde

at vædde

at kysse

at følge

at gifte sig

at svare

at spørge

at trække
dør

at skubbe
dør

at presse

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

at slå

at fange

at kæmpe

at kaste

at løbe

at læse

at skrive

at reparere

at tælle

at klippe

at sælge

at købe

at betale

at studere

at drømme

at sove

at lege

at fejre

at nyde

at rengøre

at skyde

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

at forsvare

at angribe

at stjæle

at brænde

at redde

at flyve

at spytte

at sparke

at bide

at ånde

at lugte

at græde

at synge

at smile

at grine

at vokse

at krympe

at skændes

at dele

at fodre

at gemme
skjule

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhớ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

at advare

at svømme

at hoppe

at løfte

at grave

at levere

at lede efter

at øve

at rejse

at male

at åbne
lås

at låse

at vaske

at bede

at lave mad

at kaste op

at råbe

at citere

at udskrive

at beregne

at tjene

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

ny

gammel
almen

få

mange

forkert

korrekt

dårlig

god

lykkelig

kort
adjektiv

lang

lille
almen

stor

smuk

ung

gammel
person

hvid

sort

rød

blå

grøn

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

gul

langsom

hurtig

sjov

uretfærdig

retfærdig

vanskelig

let
almen

rig

fattig

stærk
person

svag

sikker

træt

stolt

mæt

syg

sund

vred

lav
diagram

høj
almen

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

sød
mad

sur

blød

hård

sød
person

dum

skør

travl

høj
person

lille
person

bekymret

overrasket

velopdragen

ond

klog

kold

hed

orange

grå

brun

lyserød

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

kedelig

tung

let
vægt

ensom

sulten

tørstig

trist

stejl

flad

smal

bred

dyb

lav
vand

kæmpe

beskidt

ren

fuld
almen

tom

dyr
adjektiv

billig

sexet

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

doven

modig

gavmild

våd

tør

højt

stille

solrig

regnfuld

tåget

overskyet

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

gymnastik

tennis

løb

cykling

golf

fodbold

basketball

svømning

dykning

vandreture

maratonløb

triathlon

bordtennis

vægtløftning

boksning

badminton

kunstskejt

snowboarding

skiløb

langrend

ishockey

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

volleyball

håndbold

beach volleyball

rugby

cricket

baseball

amerikansk fodbold

vandpolo

udspring

surfing

sejlads

roning

yoga

dans

faldskærmsudspring

skak

poker

bowling

ballet

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

gris

ko

hest

hund

får

abe

kat

bjørn

kylling

and

sommerfugl

bi

fisk
dyr

edderkop

slange

tiger

mus
dyr

kanin

løve

æsel

elefant

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

due

bille

myg

flue

myre

hval

haj

delfin

snegl

frø
dyr

panda

isbjørn

ulv

koala

kænguru

giraf

ræv

flodhest

flagermus

ravn

svane

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

måge

ugle

pingvin

papegøje

larve

guldsmed

blæksprutte
tiarmet

blæksprutte
ottearmet

søhest

sæl

vandmand

krabbe

dinosaur

skildpadde
almen

krokodille

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Europa

Asien

Amerika

Afrika

Storbritannien

Spanien

Schweiz

Italien

Frankrig

Tyskland

Thailand

Singapore

Rusland

Japan

Israel

Indien

Kina

Amerikas Forenede Stater

Mexico

Canada

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brasilien

Argentina

Sydafrika

Nigeria

Marokko

Libyen

Kenya

Algeriet

Egypten

New Zealand

Australien

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

hoved

næse

hår

mund

øre

øje

hånd

fod

hjerte

hjerne

hals

bagdel

skulder

knæ

ben

arm

mave

barm

ryg

tand

tunge

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

læbe

finger

tå

mavesæk

lunge

lever

nerve

nyre

tarm

pande
krop

hage

kind

skæg

tommelfinger

lillefinger

ringfinger

langefinger

pegefinger

fingernegl

hæl

rygrad

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

muskel

knogle
krop

skelet

ribben

ryghvirvel

blære

vene

pulsåre

vagina

sperma

penis

testikel

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

dør

køkken

badeværelse

stue

soveværelse

have

garage

væg

kælder

toilet
bygning

trappe

tag

vindue
bygning

kniv

kop

glas

tallerken

bæger

skraldespand

skål
køkken

skrivebord

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

seng

spejl

bruser

sofa

billede

ur

bord

stol

nabo

elevator

altan

loftsrum

skorsten

træske

spisepind

bestik

ske

gaffel

slev

gryde

pande
køkken

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

lyspære

bogreol

gardin

madras

pude

tæppe
seng

hylde

skuffe

garderobe

spand

kost

badevægt

vasketøjskurv

badekar

badehåndklæde

sæbe

toiletpapir

håndklæde

håndvask

stige

postkasse

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

hegn



hàng rào

Thức ăn

æg

ost

mælk

fisk
mad

kød

knogle
mad

olie

brød

sukker

chokolade

slik

kage

vand

kaffe

te

øl

vin

salat
måltid

suppe

dessert

morgenmad

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

frokost

aftensmad

pizza

flødeis

smør

yoghurt

tunfisk

laks

skinke

bacon

pølse

kalkunkød

kyllingekød

oksekød

svinekød

lammekød

græskar

champignon

trøffel

hvidløg

porre

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

ingefær

aubergine

sød kartoffel

gulerod

agurk

chili

rød peber

løg

kartoffel

blomkål

kål

broccoli

salat
grøntsag

spinat

bambus
mad

majs

selleri

ært

bønne

pære

æble

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

oliven

figen

daddel

kokosnød

mandel

hasselnød

jordnød

banan

mango

kiwi

avocado

ananas

vandmelon

vindrue

honingmelon

hindbær

blåbær

jordbær

kirsebær

blomme

abrikos

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

fersken

citron

grapefrugt

appelsin

tomat

mynte

citrongræs

kanel

vanilje

salt
mad

peber

karry

tobak

tofu

eddike

nudel

sojamælk

mel

ris

havre

hvede

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soja

nød

honning

marmelade

tyggegummi

pandekage

småkage

budding

muffin

donut

energidrik

appelsinjuice

æblejuice

milkshake

cola

varm chokolade

cocktail

rom

whisky

vodka

menukort

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

fisk og skaldyr

spaghetti

sushi

popcorn

chips

kyllingevinger

pomfritter

sennep

mayonnaise

ketchup

sandwich

hotdog

burger

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

bog

bibliotek

lektie

eksamen

lektion

videnskab

historie

kunst

pen

blyant

første

anden

tredje

fjerde

forskning

grad

sportsplads

ordbog

semester

notesbog

geometri

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politik

filosofi

økonomi

idræt

biologi

matematik

geografi

litteratur

kemi

fysik

lineal

viskelæder

saks

klisterbånd

lim

kuglepen

klips

tre procent

hundred procent

nul procent

kubikmeter

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

kvadratmeter

mil

meter

millimeter

centimeter

decimeter

addition

subtraktion

multiplikation

division

areal

volumen

rektangel

firkant

trekant

cirkel

liter

milliliter

ton

kilogram

gram

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magnet

mikroskop

tragt

laboratorium

foredrag

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

aske

ild

diamant

måne

sol

stjerne

planet

kyst
hav

sø

skov

ørken

bakke

sten

flod

dal

bjerg

ø

ocean

hav

is

sne

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

storm

regn

vind

træ

græs

rose

blomst
almen

metal

jord

lava

kul

sand

ler

raket

satellit

galakse

asteroide

kontinent

ækvator

Sydpolen

Nordpolen

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

vandløb

regnskov

hule

vandfald

kyst
flod

gletsjer

jordskælv

krater

vulkan

atmosfære

oversvømmelse

tåge

regnbue

torden

lyn

tordenvejr

temperatur

tyfon

orkan

sky

gren

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

blad
træ

rod

stamme

frø
plante

plast

carbondioxid

atom

jern

ilt

guld

sølv

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

bil

bus

tog

togstation

busstoppested

fly

skib

lastbil

cykel

motorcykel

taxa

trafiklys

parkeringsplads

vej

batteri

motor
bil

airbag

rat

sikkerhedssele

dæk

bagagerum

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

billetautomat

billetkontor

undergrundsbane

højhastighedstog

lokomotiv

sporvogn

skolebus

minibus

lufthavn

flyselskab

helikopter

første klasse

økonomiklasse

business class

redningsvest

container

ubåd

krydstogtskib

containerskib

yacht

færge

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

havn

redningsbåd

radar

gadelampe

fortov

tankstation

byggeplads

fodgængerfelt

trafikprop

motorvej

tank

gravemaskine

traktor

anhænger

scooter

svævebane

ra đa

xuồng cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-móc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

hospital

skole

hus

regning

marked

supermarked

lejlighed

universitet

gård

kirke

restaurant

bar

fitnesscenter

park

toilet
offentlig

kort
landkort

ambulance

politi

brandvæsen

land

forstad

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

landsby

garanti

indkøbscenter

apotek

skyskraber

slot

ambassade

synagoge

tempel

fabrik

moske

rådhus

postkontor

springvand

natklub

bænk

golfbane

fodboldstadion

svømmehal

tennisbane

turistinformation

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kasino

kunstgalleri

museum

nationalpark

souvenir

akvarium

vandrutsjebane

rutsjebane
temapark

vandland

zoo

legeplads

nødudgang
bygning

brandalarm

brandslukker

politistation

stat

region

hovedstad

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

ulykke

patient

kirurgi

pille

feber

hoste

skadestue

intensivafdeling

venteværelse

aspirin

sovepille

udløbsdato

dosis

hostesaft

bivirkning

insulin

pulver

kapsel

vitamin

smertestillende medicin

antibiotikum

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bakterie

virus

hjerteanfald

diarre

sukkersyge

slagtilfælde

astma

kræft

influenza

tandpine

solskoldning

ondt i halsen

mavepine

infektion

allergi

krampe

hovedpine

sprøjte
værktøj

krykke

røntgenbillede

ultralydsmaskine

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quy

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

plaster

kørestol

gips bandage

puls

skade

nødsituation

hjernerystelse

forbrænding

knoglebrud

P-pille

graviditetstest

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

læge

sygeplejerske

politimand

præsident

kaptajn

detektiv

pilot

professor

lærer

advokat

sekretær

assistent

dommer
almen

manager

kok

taxachauffør

buschauffør

model

kunstner

statsminister

farmaceut

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

brandmand

tandlæge

entreprenør

politiker

programmør

stewardesse

videnskabsmand

pædagog

arkitekt

bogholder

konsulent

anklager

administrerende direktør

livvagt

udlejer

tjener

sikkerhedsvagt

soldat

fisker

rengøringsassistent

blikkenslager

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

elektriker

landmand

receptionist

postbud

kassedame

frisør

forfatter

journalist

fotograf

livredder

sanger

musiker

skuespiller

reporter

træner

dommer
sport

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

penge

kontor

stress

forsikring

personale

afdeling

løn

adresse

brev

telefonnummer

webadresse

e-mailadresse

website

e-mail

underskrift

tab

profit

kunde

beløb

kreditkort

adgangskode

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

pengeautomat

skat

mødelokale

visitkort

IT

personaleafdeling

juridisk afdeling

regnskab

markedsføring

salg

kollega

arbejdsgiver

medarbejder

notat

præsentation

mappe
papir

gummistempel

projektor

pakke
post

frimærke

kuvert

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

browser

investering

børs

pengeseddel

mønt

rente

lån

kontonummer

bankkonto

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

telefon

fjernsyn
apparat

kamera

radio

ventilator

klimaanlæg

kaffemaskine

brødrister

støvsuger

hårtørrer

kedel

opvaskemaskine

komfur

ovn

mikroovn

køleskab

vaskemaskine

fjernbetjening

høretelefon

mus
computer

tastatur

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

harddisk

USB stik

scanner

printer

skærm

bærbar

robot

højttaler

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt